

Bản án số: 33/2021/KDTM-ST

Ngày: 29-10-2021

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
Mua bán hàng hóa”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Văn Cương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Đức Hiếu**

Ông **Mai Văn Du**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thị Hoàng Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Thúy** – Chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 12/2021/TLST- KDTM ngày 02 tháng 04 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2021/QĐXXST- KDTM ngày 02 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn hoãn phiên tòa số 130 ngày 29/9/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Thép N (Sau đây viết tắt là công ty Thép N); Địa chỉ: 122 đường N, phường C, quận T, TP Đà Nẵng; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Việt V – Chức vụ: Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Xuân Đ, sinh năm 1962 và bà Dương Thị Mỹ H, sinh năm 1997; Địa chỉ: K27/12 đường N, phường H, quận H, TP Đà Nẵng. Ông Đ, bà H, có mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Kiến Trúc và Đầu Tư xây dựng công trình A (Sau đây viết tắt là công ty A); Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà G, số 130 đường N, phường T, quận H, TP Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn P; Nơi đăng ký thường trú: Xóm 15, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2020 của Nguyên đơn Công ty cổ phần Thép N và bản tự khai ngày 08/3/2021, ngày 06/5/2021 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Xuân Đ và bà Dương Thị Mỹ H trình bày:

Ngày 04/4/2018, giữa Công ty Cổ phần Thép N và Công ty Cổ phần Kiến trúc và Đầu tư xây dựng công trình A có ký kết hợp đồng nguyên tắc về mua bán thép số 65/2018/HĐNT/ADC-NL. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên Công ty Thép N đã cung cấp đầy đủ các mặt hàng thép theo đúng yêu cầu của Công ty A. Tuy nhiên, phía Công ty A đã không chịu thanh toán tiền mua bán thép theo đúng thỏa thuận của 2 bên, việc này đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 3.2 trong hợp đồng nguyên tắc.

Ngày 31/3/2019, hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/3/2019, tính đến ngày 31/3/2019, Công ty A còn nợ Công ty Thép N số tiền 185.692.237 đồng. Mặc dù Công ty Thép N đã nhiều lần yêu cầu Công ty A chuyển trả số tiền nêu trên, nhưng đến nay Công ty A vẫn chưa thanh toán dứt điểm khoản nợ này.

Về mức lãi suất áp dụng tính lãi: Căn cứ Điều 3.2 của Hợp đồng nguyên tắc hai bên thỏa thuận: “Nếu quá hạn mà bên mua vẫn chưa thanh toán tiền hàng cho bên bán thì bên bán sẽ tính lãi suất 10%/năm”. Như vậy, căn cứ thỏa thuận của 2 bên, mức lãi suất chậm thanh toán được tính là 10%/năm.

Về thời gian tính lãi chậm thanh toán: Được tính từ ngày 01/4/2019 cho đến ngày xét xử hôm nay ngày 29/10/2021, cụ thể như sau:

+ Từ ngày 01/4/2019 đến ngày 31/12/2019 là 275 ngày, lãi được tính: $185.692.237 \text{ đồng} \times 10\%/365 \times 275 = 13.990.511 \text{ đồng}$.

+ Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020: là 365 ngày: Lãi được tính: $185.692.237 \text{ đồng} \times 10\%/365 \times 366 = 18.620.098 \text{ đồng}$.

+ Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 29/10/2021 là 302 ngày; Lãi được tính: $185.692.237 \text{ đồng} \times 10\%/365 \times 302 = 15.364.124 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/4/2019 đến ngày 29/10/2021 là 47.974.733 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi mà Công ty A chưa thanh toán đến thời điểm xét xử hôm nay là 233.666.970 đồng trong đó, gồm: Nợ gốc 185.692.237 đồng; Nợ lãi: 47.974.733 đồng.

Nay Công ty Thép N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty A phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Thép N tổng số tiền 233.666.970 đồng trong đó, gồm: Nợ gốc 185.692.237 đồng; Nợ lãi: 47.974.733 đồng.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã có văn bản gửi Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội xác minh về tình trạng hoạt động của

Công ty Cổ phần Kiến Trúc và Đầu Tư xây dựng công trình A. Theo văn bản số trả lời của Phòng Đăng ký kinh doanh- Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội xác định: Công ty Cổ phần Kiến Trúc và Đầu Tư xây dựng công trình A được Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 0105810153, đăng ký lần đầu vào ngày 02/3/2014, đăng ký thay đổi lần 5 vào ngày 24/7/2017, địa chỉ đăng ký kinh doanh tại: Tầng 5 tòa nhà G số 130 đường N, phường T, quận H, TP Hồ Nội. Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983; chức vụ: Giám đốc công ty; Nơi đăng ký thường trú: Xóm 15, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ đã gửi Thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự. Tuy nhiên Công ty Công ty A vẫn không tham gia hòa giải, không có văn bản trình bày ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuyên thủ pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty A phải trả cho Công ty Thép N số tiền 233.666.970 đồng trong đó, gồm: Nợ gốc 185.692.237 đồng; Nợ lãi: 47.974.733 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các bên đương sự là tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều vì mục đích lợi nhuận. Vì vậy, đây là tranh chấp về Kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán thép số 65/2018/HĐNT/ADC-NL giữa Công ty Thép N và Công ty A các bên đã thỏa thuận “...*Trường hợp thương lượng không đạt kết quả, một trong các bên có quyền khởi kiện đến tòa án nơi có trụ sở của nguyên đơn để yêu cầu giải quyết...*” . Tại thời điểm khởi kiện nguyên đơn Công ty Thép N có trụ sở tại phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn Công ty cổ phần Kiến trúc và Đầu tư xây dựng công trình A, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn P, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn Công ty cổ phần Kiến trúc và Đầu tư xây dựng công trình A.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty cổ phần Thép N yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty Cổ phần Kiến Trúc và Đầu Tư xây dựng công trình A phải thanh toán cho Công ty cổ phần Thép N tổng số tiền 233.666.970 đồng trong đó, gồm: Nợ gốc 185.692.237 đồng; Nợ lãi: tính đến ngày xét xử hôm nay 29/10/2021 là 47.974.733 đồng.

Xét yêu cầu của đương sự, trên cơ sở xem xét ý kiến, trình bày của các đương sự trong suốt quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cùng các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Xét tính pháp lý của Hợp đồng nguyên tắc về mua bán thép số 65/2018/HĐNTADC-NL: Hợp đồng nguyên tắc về mua bán thép số 65/2018/HĐNTADC-NL ngày 04/4/2018, được người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Thép N và Công ty Cổ phần Kiến trúc và Đầu tư xây dựng công trình A ký kết trên cơ sở tự nguyện, xuất phát từ ý chí của các bên giao kết, vì mục đích tìm kiếm lợi nhuận. Nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm pháp luật và đạo đức xã hội. Vì vậy, hợp đồng có đầy đủ điều kiện có hiệu lực theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự, Điều 24 Luật thương mại, được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Xét yêu cầu của Công ty Cổ phần Thép N về việc buộc Công ty Cổ phần Kiến trúc và Đầu tư xây dựng công trình A phải thanh toán cho công ty Thép N khoản nợ gốc với số tiền: 185.692.237 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 04/4/2018, Công ty Cổ phần Thép N và Công ty Cổ phần Kiến trúc và Đầu tư xây dựng công trình A ký kết hợp đồng nguyên tắc về mua bán thép số 65/2018/HĐNT/ADC-NL. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Thép N đã cung cấp đầy đủ các mặt hàng theo yêu cầu của Công ty A. Tuy nhiên, phía Công ty A đã không

chịu thanh toán tiền mua bán thép theo đúng thỏa thuận của 2 bên. Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/3/2019 thì các bên thống nhất xác định, tính đến ngày 31/3/2019, Công ty cổ phần Kiến trúc và Đầu tư xây dựng công trình A còn nợ công ty Thép N số tiền **185.692.237 đồng**, từ đó đến nay Công ty A chưa trả khoản nợ này cho Công ty Thép N. Theo quy định tại Điều 3 của hợp đồng nguyên tắc về mua bán thép quy định “*..Thanh toán ngay: Bên A thanh toán cho bên B trước khi nhận hàng. Thanh toán chậm trả 30 ngày kèm theo thư bảo lãnh của Ngân hàng kể từ ngày nhận hàng, nếu quá hạn mà bên mua vẫn chưa thanh toán tiền hàng cho Bên bán thì Bên bán sẽ tính lãi suất 10%/năm...*”. Như vậy, việc công ty A không thanh toán tiền mua bán thép cho công ty Thép N đã vi phạm điều khoản thanh toán của hợp đồng. Do đó, công ty Thép N yêu cầu Công ty A thanh toán số tiền nợ gốc 185.692.237 đồng là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc Công ty A phải thanh toán cho Công ty Thép N số tiền nợ gốc 185.692.237 đồng.

[3.2] Xét yêu cầu của Công ty Thép N yêu cầu Công ty Ardeco phải thanh toán số tiền lãi chậm trả 47.974.733 đồng.

Hội đồng xét xử thấy: Theo Điều 3 của hợp đồng nguyên tắc về mua bán thép quy định “*...Thanh toán chậm trả 30 ngày kèm theo thư bảo lãnh của Ngân hàng kể từ ngày nhận hàng, nếu quá hạn mà bên mua vẫn chưa thanh toán tiền hàng cho Bên bán thì Bên bán sẽ tính lãi suất 10%/năm...*”. Theo biên bản đối chiếu công nợ, tính đến ngày 31/3/2019 thì Công ty Cổ phần Kiến Trúc và Đầu Tư xây dựng công trình A còn nợ công ty Thép N số tiền 185.692.237 đồng, từ đó đến nay Công ty A chưa trả khoản nợ này cho Công ty Thép N (như đã nêu trên). Do đó, theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng thì Công ty A phải chịu khoản tiền lãi chậm thanh toán đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 185.692.237 đồng, với mức lãi chậm trả theo các bên thỏa thuận tại hợp đồng là 10%/năm, thấp hơn mức lãi suất trung bình Liên ngân hàng trên thị trường, tương ứng với thời gian chậm thanh toán tính từ ngày 01/4/2019 đến ngày xét xử 29/10/2021 là 943 ngày, với tổng số tiền là: 185.692.237 đồng x 10%/năm x 943 ngày = 47.974.733 đồng như yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty Thép N về việc buộc bị đơn công ty Cổ phần Kiến trúc và Đầu tư xây dựng công trình A phải thanh toán cho Công ty công ty Thép N số tiền lãi chậm trả là 47.974.733 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc Công ty cổ phần Kiến trúc và Đầu tư xây dựng công trình A phải thanh toán cho Công ty công ty Thép N là 233.666.970 đồng. Trong đó nợ gốc là 185.692.237 đồng; Nợ lãi chậm trả là 47.974.733 đồng.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại:

Bị đơn Công ty cổ phần Kiến trúc và Đầu tư xây dựng công trình A phải chịu 11.683.348 đồng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty Thép N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

I. Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 117; 357; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Điều 24, 50, 306 Luật thương mại;

Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Thép N đối với Công ty cổ phần Kiến trúc và Đầu tư xây dựng công trình Ar về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty Cổ phần Kiến Trúc và Đầu Tư xây dựng công trình A phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần Thép N tổng số tiền: 233.666.970 đồng (*Hai trăm ba mươi ba triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, chín trăm bảy mươi đồng*) trong đó, gồm:

- Nợ gốc là 185.692.237 đồng (*Một trăm tám mươi lăm triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm ba mươi bảy đồng*).

- Nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 29/10/2021 là: 47.974.733 đồng (*Bốn mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi tư nghìn, bảy trăm ba mươi ba đồng*).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí: Công ty Cổ phần Kiến Trúc và Đầu Tư xây dựng công trình A phải chịu 11.683.348 đồng (*Mười một triệu, sáu trăm tám mươi ba nghìn, ba trăm bốn mươi tám đồng*) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty Cổ phần Thép N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.338.373 đồng (*Năm triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm bảy mươi ba đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001481 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niên yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Cường